

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/DS-ST**  
Ngày: 06/8/2021  
*Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ma Quốc Thể
2. Ông Hoàng Thanh Nghệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2021/TLST - DS, ngày 12/4/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS, ngày 05/7/2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-DS, ngày 21/7/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 và Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: thôn A, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

**\* Bị đơn:** Ông Trần Văn H1, sinh năm 1977 và bà Lê Thị T, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt không có lý do);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông H, bà N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên vào năm 2017 vợ chồng anh Trần Văn H1 và chị Lê Thị T có đến hỏi vay tiền của vợ chồng ông bà. Cụ thể lần một,

ngày 06/02/2017 anh H1, chị T vay vợ chồng ông bà số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); lần hai, ngày 24/9/2017 anh H1, chị T vay thêm số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), các lần vay hai bên đều không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình vay mượn giữa hai bên có viết 01 giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền có nội dung: “tên tôi Lê Thị T – chồng Trần Văn H1 thuộc thôn Đ, xã H, Sơn Dương, Tuyên Quang có vay của anh chị H N thôn A, xã T, Sơn Dương, Tuyên Quang số tiền vay như sau: 6-2-2017 số tiền vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), tiếp ngày 24/9/2017 số tiền vay: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn 6 tháng trả gốc. Nếu sai hẹn tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Vợ chồng anh H1, chị T có hẹn 06 tháng sau sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền vay cho ông bà. Nhưng quá thời hạn trả nợ anh H1, chị T không trả, ông bà đã đòi nhiều lần nhưng anh chị cố tình trốn tránh, không chịu trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, ông bà làm đơn này đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn H1 và chị Lê Thị T hoàn trả cho ông bà toàn bộ số tiền gốc đã vay của 02 lần vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Ông bà không yêu cầu tính lãi suất của khoản vay trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T đến để làm việc nhưng đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Bà T đi làm ăn xa nhà, đi làm ở đâu và địa chỉ cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Ông H1 làm nghề lái xe taxi, thì thoảng có mặt tại địa phương. Các văn bản tổng đạt của Tòa án chính quyền địa phương đều đã thông báo cho ông H1 biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T phải thanh toán số tiền gốc cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo cung cấp của Công an xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thì ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T là vợ chồng đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N là người khởi kiện, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Văn H1, bà

Lê Thị T vẫn không đến làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N xác định đã cho ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T vay số tiền là 180.000.000 đồng, đồng thời xuất trình chứng cứ, tài liệu là 01 giấy vay tiền đều có chữ ký, chữ viết của ông H1, bà T. Do không lấy được lời khai của ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T nên ngày 24/6/2021 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông H1, bà T trong giấy vay tiền viết tay trên giấy dòng kẻ ngang, ghi ngày 6/2/2017 và ngày 24/9/2017 do ông H, bà N cung cấp với chữ ký, chữ viết tại các tài liệu thu thập tại Công an tỉnh Tuyên Quang và trong vụ án khác (gồm Tờ khai chứng minh nhân dân đứng tên Lê Thị T; Tờ khai chứng minh nhân dân đứng tên Trần Văn H1; Biên bản làm việc ngày 26/8/2019; Biên bản tổng đạt văn bản tố tụng ngày 25/3/2020).

Tại kết luận giám định số 624/GĐ-KTHS, ngày 05/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

1. Chữ ký “T”, chữ viết ghi tên “Lê Thị T” dưới mục “ng vay tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký “T”, chữ viết ghi tên “Lê Thị T” dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên mẫu so sánh ký hiệu B1 là do cùng một người ký và viết.

2. Chữ ký “H1”, chữ viết ghi tên “Trần Văn H1” dưới mục “Chồng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký “H1”, chữ viết ghi tên “Trần Văn H1” dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên mẫu so sánh ký hiệu B2, dưới mục “Đương sự” trên mẫu so sánh ký hiệu B3, dưới mục “Người nhận” trên mẫu so sánh ký hiệu B4 là do cùng một người ký và viết.

Như vậy, việc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N cho ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T vay tiền là có thật và được chứng minh bằng Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N là có căn cứ và được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N tổng số tiền đã vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

[2] Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo:

- Về án phí: ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T phải nộp án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T và đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Số tiền chi phí cho việc giám định là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn H, bà

Nguyễn Thị N được chấp nhận nên ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T phải chịu chi phí giám định và có nghĩa vụ thanh toán lại khoản tiền chi phí giám định cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N số tiền là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 467, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N đối với ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T.

Buộc ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N tổng số tiền đã vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 3.630.000đ (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (giám định chữ ký, chữ viết), tổng cộng là 183.630.000đ (Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Chia ra, ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N số tiền 91.815.000đ (Chín mươi một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng); Bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N số tiền 91.815.000đ (Chín mươi một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng);

Khoản tiền phải thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2.** Về án phí: ông Trần Văn H1, bà Lê Thị T phải chịu 9.000.000đ (chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001669, ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Tuấn Linh**

